TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BỘ MÔN: GIẢI PHẪU BỆNH - PHÁP Y

BẢNG ĐIỂM LẦN 2

Kỳ thi: GPB lần 2
Lớp: Y2016A

NGÀY THI:
12/07/2019

STT	MSSV	Họ Tên		SCĐ	Điểm LT	SCĐ	Điểm LT lần 2	SCĐ	Điểm TT	SCĐ	Điểm TT lần 2	Điểm	Điểm lần 2	Ghi chú
1	1651010004	Xà Phúc	An	47	3.5	61	5	23.5	5.5			4	5	
2	1651010008	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	52	4	65	5.5	21	5			4	5	
3	1651010016	Phan Quang Gia	Bảo	53	4			15	3.5	VP	VP	4		LT+TT
4	1651010024	Trần Thị Trúc	Chi	57	4.5			12	3	32.5	8	4	6	
5	1651010028	Trần Quốc	Dũng(98)	V	0			V	0			0		LT+TT
6	1651010035	Lê Vĩnh	Đạt	V	0			V	0			0		LT+TT
7	1651010040	Nguyễn Châu Hà	Giang	50	4	64	5.5	20.5	5			4	5	
8	1651010052	Huỳnh Trung	Hiếu	52	4			V	0			2		LT+TT
9	1651010062	Nguyễn Đắc Anh	Huy	62	5			11.5	3	23.5	5.5	4	5	
10	1651010065	Trần Đức	Huy	32	2.5	61	5	21	5			4	5	
11	1651010083	Nguyễn Đình Chi	Lan	49	4			12	3	24	6	4	5	
12	1651010088	Bùi Khánh	Linh	41	3	79	7.5	20	5			4	7	
13	1651010097	Hoàng	Minh	51	4			16	4	30	7.5	4	5	
14	1651010103	Nguyễn Thành	Nam	V	0			V	0			0		LT+TT
15	1651010106	Phạm Nguyễn Kim	Ngân	44	3.5	62	5	19.5	5			4	5	
16	1651010112	Phan Trần Bích	Ngọc	42	3.5	59	4.5	20	5			4	5	
17	1651010116	Phan Thanh	Nhàn	VP	VP	42	3.5	12	3	15	3.5	VP	4	LT+TT
18	1651010117	Bùi Trí	Nhân	46	3.5	51	4	20.5	5			4	4	LT
19	1651010119	Nguyễn Cao	Nhân	53	4			16	4	31.5	7.5	4	5	
20	1651010121	Nguyễn Đặng Hồng	Nhi	41	3	56	4.5	20	5			4	5	
21	1651010138	Đỗ Hoàng Gia	Phú	V	0			V	0			0		LT+TT
22	1651010148	Hồ Hồng	Quân	V	0	32	2.5	V	0			0	2	LT+TT
23	1651010158	Trần Cao	Thái	47	3.5	68	6	22.5	5.5			4	6	

24	1651010160	Đỗ Chí	Thanh	V	0			V	0			0		LT+TT
25	1651010162	Tiêu Gia	Thanh	48	4	61	5	19.5	5			4	5	
26	1651010188	Võ Hiền	Trâm	50	4			14	3.5	31.5	7.5	4	5	
27	1651010199	Phan Quang	Trường	50	4			15	3.5	34.5	8.5	4	6	
28	1651010209	Trương Phạm Bảo	Uyên	55	4.5			14	3.5	30.5	7.5	4	6	
29	1651010210	Nguyễn Thái Thiên	Vi	50	4			17	4	26	6.5	4	5	
30	1651010217	Nguyễn Liễu Thanh	Vy	43	3.5	66	5.5	20	5			4	5	
31	1751010987	Đặng Hoàng	Huy	V	0	42	3.5	10	2.5	30.5	7.5	1	5	LT
32	1551010060	Vũ Văn	Hưng(Y.15A)	46	3.5	70	6	27	6.5			5	6	
33	00.01.13.1.005	Nguyễn Huỳnh Minh	Anh(Y.13A)	V	0			V	0			0		LT+TT
34	1551010044	Mai Ngọc	Hiền(Y.15A)	V	0			V	0			0		LT+TT
35	1551010139	Phan Hoàng Thảo	Quyên(Y.15A)	V	0			V	0			0		LT+TT
36	1551010009	Trần Nguyễn Thảo	Anh(Y.15A)	48	4			V	0			2		LT+TT
37	1551010087	Trần Hoàng	Linh(Y.15A)	43	3.5	58	4.5	V	0	26.5	6.5	2	5	
38	1551010181	Lương Vũ	Trường(Y.15A)	41	3	59	4.5	14.5	3.5	28	7	3	6	
39	1551010811	Nguyễn Khánh	Linh(Y.15A)	52	4			14	3.5	33.5	8	4	6	
40	1551010012	Trần Nguyên	Bảo(Y.15A)	V	0			V	0			0		LT+TT
41	1551010052	Tiêu Hồng	Hoàng(Y.15A)	V	0			V	0			0		LT+TT
42	1551010065	Lê Minh	Khang(Y.15A)	V	0			V	0			0		LT+TT
43	1551010096	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh(Y.15A)	V	0			V	0			0		LT+TT
44	1551010133	Nguyễn Đăng	Quang(Y.15A)	V	0			V	0			0		LT+TT
45	1551010169	Nguyễn Công	Tín(Y.15A)	V	0	44	3.5	V	0	11	2.5	0	3	LT+TT
46	1451010007	Đinh Công Tuấn	Anh(Y.14A)	V	0			V	0			0		LT+TT
47	00.01.13.1.054	Phan Lương Khánh	Hân(Y.13A)	V	0			V	0			0		LT+TT
48	00.01.13.1.105	Nguyễn Thị	Nga(Y.13A)	V	0			V	0			0		LT+TT
49	00.01.13.1.092	Trần Thị Thùy	Linh(Y.13A)	V	0			V	0			0		LT+TT
50	00.01.13.1.100	Nguyễn Thị Mỹ	Mi(Y.13A)	44	3.5	55	4.5		5 (cũ)			4	5	
51	00.01.13.1.114	Phạm Hồng	Ngọc(Y.13A)	V	0			V	0			0		LT+TT
52	1551010115	Nguyễn Thị Yến	Nhi(Y.15A)	41	3	42	3.5	20	5			4	4	LT
53	1551010154	Nguyễn Thị Phương	Thảo(Y.15A)	V	0			32	8			3		LT+TT
54	1451010218	Nguyễn Hoàng	Vĩ(Y.14A)	V	0			V	0			0		LT+TT
55	1451010039	Đặng Quốc	Đạt(Y.14A)	V	0			V	0			0		LT+TT

Lớp: Y2016B

STT	MSSV	Họ Tên		SCĐ	Điểm LT	SCĐ	Điểm LT lần 2	SCĐ	Điểm TT	SCĐ	Điểm TT lần 2	Điểm	Điểm lần 2	Ghi chú
1	1651010240	Nguyễn Tiến	Dũng	48	4			8	2	23.5	5.5	3	5	
2	1651010243	Hồ Đại	Dương	59	4.5			14.5	3.5	26.5	6.5	4	5	
3	1651010258	Hồ	Hải	31	2.5	52	4	6	1.5	14	3.5	2	4	LT+TT
4	1651010259	Trần Minh	Hải	52	4			14	3.5	28.5	7	4	5	
5	1651010273	Nguyễn Thái	Hòa	V	0	67	6	32.5	8			3	7	
6	1651010294	Văn Đình	Huy	50	4	47	3.5	21	5			4	4	LT
7	1651010298	Nguyễn Vĩnh	Khang	47	3.5	64	5.5	17	4	25	6	4	6	
8	1651010308	Nguyễn Nam	Long	39	3			24.5	6			4		LT
9	1651010313	Lê Nhật	Minh	63	5			14	3.5	31	7.5	4	6	
10	1651010327	Trịnh Nhựt Hoàng	Ngân	53	4	63	5	10.5	2.5	19.5	5	3	5	
11	1651010346	Trần Hiếu	Nhu	38	3	62	5	25.5	6			4	5	
12	1651010357	Bảo	Phúc	53	4			18	4.5	33	8	4	6	
13	1651010363	Trịnh Nguyễn Nam	Phương	65	5.5			14.5	3.5	33	8	5	7	
14	1651010371	Trần Xuân	Quỳnh	V	0			V	0			0		LT+TT
15	1651010378	Dương Thị Mỹ	Thanh	49	4			19	4.5	30.5	7.5	4	5	
16	1651010380	Nguyễn Thanh	Thảo	47	3.5	60	5	19.5	5			4	5	
17	1651010382	Trần Nguyễn Minh	Thảo	42	3.5	72	6.5	29	7			5	7	
18	1651010401	Huỳnh Quốc	Tiến	47	3.5	61	5	V	0	25.5	6	2	5	
19	1651010412	Cao Minh	Trí	52	4			12	3	27.5	6.5	4	5	
20	1651010423	Nguyễn Anh	Tuấn	44	3.5			31.5	7.5			5		LT
21	1651010425	Lê Thanh	Tuyền	VP	VP	65	5.5	VP	VP	28	7	VP	6	Điểm lần 1
22	1651010427	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên	40	3	59	4.5	23.5	5.5			4	5	
23	1651010432	Đào Đình	Việt	44	3.5	68	6	28.5	7			5	6	
24	1451010404	Lộ Đạt	Thành(Y.14B)	45	3.5	48	4	13	3	27.5	6.5	3	5	
25	1551010241	Phan Thị Xuân	Hạnh(Y.15B)	V	0			V	0			0		LT+TT
26	1451010322	Đặng Ngọc	Linh(Y.14B)	39	3	60	5	6	1.5	24.5	6	2	5	
27	1551010207	Trần Minh	Anh(97)	V	0			V	0			0		LT+TT
28	1551010235	Vũ Thành	Đạt(Y.15B)	V	0			V	0			0		LT+TT
29	1551010262	Nguyễn Quang	Khải(Y.15B)	V	0			V	0			0		LT+TT

30	1551010286	Hà Nhật	Minh(Y.15B)	V	0			V	0			0		LT+TT
31	1551010342	Kim Nhật	Thiên(Y.15B)	V	0			V	0			0		LT+TT
32	1451010295	Trần Thị	Hường(Y.14B)	V	0			V	0			0		LT+TT
33	00.01.13.5.020	Nguyễn Hữu Thành	Nhân(Y.14B)	V	0			V	0			0		LT+TT
34	00.01.13.2.051	Tô Vĩ	Hà(Y.13B)	V	0			V	0			0		LT+TT
35	1451010270	Lê Phước	Đức(Y.14B)	V	0			V	0			0		LT+TT

Lớp: Y2016C

STT	MSSV	Họ Tên		SCĐ	Điểm LT	SCĐ	Điểm LT lần 2	SCĐ	Điểm TT	SCĐ	Điểm TT lần 2	Điểm	Điểm lần 2	Ghi chú
1	1651010452	Lê Đỗ Lan	Anh	53	4			10.5	2.5	28.5	7	3	5	
2	1651010458	Trần Ngọc Hoàng	Bão	V	0	60	5	14.5	3.5	29.5	7	1	6	
3	1651010459	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	45	3.5	61	5	11	2.5	23	5.5	3	5	
4	1651010460	Quách Minh	Bảo	53	4			17	4	32	8	4	6	
5	1651010462	Nguyễn Thị Thái	Bình	56	4.5			14	3.5	30.5	7.5	4	6	
6	1651010469	Nguyễn Hoàng	Cúc	V	0	59	4.5	12	3	34	8.5	1	6	
7	1651010470	Lâm Duy	Cường	43	3.5	56	4.5	20	5			4	5	
8	1651010476	Vũ Phạm Hoàng	Duy	49	4			10	2.5	25.5	6	3	5	
9	1651010477	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	49	4	67	6	9.5	2.5	21	5	3	6	
10	1651010489	Tạ Kiên	Giang	42	3.5	55	4.5	12.5	3	24	6	3	5	
11	1651010495	Nguyễn Thị Như	Hiền	52	4	52	4	19.5	5			4	4	LT
12	1651010503	Lê Đại	Hùng	57	4.5			10	2.5	27	6.5	4	5	
13	1651010506	Nguyễn Minh Ngọc	Huy	63	5			12.5	3	30.5	7.5	4	6	
14	1651010507	Phạm Quang	Huy	52	4			5	1	24.5	6	3	5	
15	1651010509	Lê	Hưng	51	4	64	5.5	20	5			4	5	
16	1651010510	Trần Bảo Nhật	Hưng(Y.16C)	45	3.5	61	5	16	4	27.5	6.5	4	6	
17	1651010520	Điêu Hoàng	Khoa	51	4			6.5	1.5	36.5	9	3	6	
18	1651010526	Lê Thị Mỹ	Kỳ	47	3.5	55	4.5	17	4	31.5	7.5	4	6	
19	1651010533	Nguyễn Lý Tấn	Lộc	V	0	55	4.5	V	0	23.5	5.5	0	5	
20	1651010542	Lê Xuân	Nam	41	3	48	4	6	1.5	19.5	5	2	4	LT
21	1651010545	Phạm Thị Bảo	Ngân	41	3	37	3	10	2.5	28.5	7	3	5	LT
22	1651010546	Phan Nguyễn Kim	Ngân	51	4	63	5	21.5	5			4	5	

23	1651010554	Dương Ngọc Ánh	Nguyên	49	4			16	4	25.5	6	4	5	
24	1651010555	Lê Thị Thảo	Nguyên	50	4			13.5	3.5	28.5	7	4	5	
25	1651010565	Nguyễn Thị Quỳnh	Như(T2)	47	3.5	58	4.5	24.5	6			5	5	
26	1651010580	Phan Tùng	Quân	38	3	52	4	11	2.5	31	7.5	3	5	
27	1651010581	Nguyễn Hồng Phú	Quí	51	4			V	0	25.5	6	2	5	
28	1651010584	Nguyễn Đình	Quý	46	3.5	60	5	7	1.5	23.5	5.5	3	5	
29	1651010586	Nguyễn Mỹ	Quỳnh	52	4	49	4	22	5.5			4	5	
30	1651010593	Nguyễn Thanh	Tâm	55	4.5			13	3	35.5	8.5	4	6	
31	1651010603	Nguyễn Chí	Thiện	74	7			V	0	30	7.5	4	7	
32	1651010609	Trương Thành	Thuận	40	3	53	4	22	5.5			4	5	
33	1651010614	Nguyễn Thị Anh	Thư	61	5			7	1.5	29.5	7	4	6	
34	1651010617	Võ Thiên Hoài	Thương	41	3	49	4	19.5	5			4	4	LT
35	1651010622	Ninh Nguyễn Trọng	Tín	47	3.5			27	6.5			5		LT
36	1651010625	Dương Nhật Quỳnh	Trâm	46	3.5	64	5.5	21.5	5			4	5	
37	1651010629	Trịnh Minh	Trí	47	3.5	68	6	24	6			5	6	
38	1651010633	Lư Hải	Tú	50	4	65	5.5	20.5	5			4	5	
39	1651010637	Huỳnh Đỗ Phương	Uyên	V	0	57	4.5	V	0	24.5	6	0	5	
40	1651010639	Trần Nhật	Uyên	52	4			V	0	25.5	6	2	5	
41	1651010652	Phạm Huỳnh Thảo	Vy	V	0			V	0			0		LT+TT
42	1551010428	Trần Tiến	Dũng(Y.15C)	V	0			V	0			0		LT+TT
43	1551010517	Đoàn Ngọc Quỳnh	Như(Y.15C)	V	0			V	0			0		LT+TT
44	1551010522	Đỗ Hữu Thiên	Phú(Y.15C)	V	0			V	0			0		LT+TT
45	1551010552	Nguyễn Thi	Thiên(Y.15C)	V	0			12	3			1		LT+TT
46	1551010557	Nguyễn Phan Thắng	Thông(Y.15C)	V	0			V	0			0		LT+TT
47	1551010579	Hứa Tiến	Trung(Y.15C)	V	0			V	0			0		LT+TT
48	1551010883	Nguyễn Thanh	Thảo(Y.15C)	V	0			V	0			0		LT+TT
49	1451010572	Trần Đoan	Nghiêm(Y.14C)	V	0			V	0			0		LT+TT
50	1451010519	Nguyễn Minh	Hưng(Y.14C)	V	0			V	0			0		LT+TT
51	1451010530	Hoàng Duy	Khang(Y.14C)	V	0			V	0			0		LT+TT
52	00.01.13.3.223	Phan Thành	Vinh(Y.13C)	V	0			V	0			0		LT+TT
53	00.01.13.3.003	Huỳnh Tú	Anh(Y.13C)	V	0			V	0			0		LT+TT
54	00.01.13.3.144	Phùng Thị Bảo	Phương(Y.13C)	V	0			V	0			0		LT+TT
55	00.01.13.3.215	Nguyễn Bá	Tùng(Y.13C)	V	0			V	0			0		LT+TT
56	1451010585	Nguyễn Thị Hồng	Nhi(Y.14C)	V	0			V	0			0		LT+TT

57	1451010485	Lê Anh	Duy(Y.14C)	47	3.5	50	4	15.5	4	19.5	5	4	4	LT
58	1651010519	NGUYỄN LÊ	KHIÊM	V	0			10	2.5			1		LT+TT
59	1651010537	ĐINH PHÁT	MINH	V	0			V	0			0		LT+TT
60	1651010604	NGUYỄN LÊ MINH	THIỆN	V	0			V	0			0		LT+TT
61	1651010531	NGUYỄN MẠNH	LONG	34	2.5	43	3.5	3	0.5			2	2	LT+TT

Lớp: Y2016D

STT	MSSV	Họ Tên		SCĐ	Điểm LT	SCĐ	Điểm LT lần 2	SCĐ	Điểm TT	SCĐ	Điểm TT lần 2	Điểm	Điểm lần 2	Ghi chú
1	1651010665	Hồ Thị Ngọc	Ánh	V	0	81	8	31	7.5			3	8	
2	1651010675	Huỳnh Sỉu	Chân	37	3	64	5.5	20	5			4	5	
3	1651010679	Lê Ngọc Minh	Chi	65	5.5			V	0	33.5	8	3	7	
4	1651010683	Lâm Ngọc Thành	Công	44	3.5	58	4.5	26.5	6.5			5	5	
5	1651010696	Nguyễn Hải	Đăng	75	7			10	2.5	20	5	5	6	
6	1651010700	Hoàng Việt	Đức	V	0			V	0			0		LT+TT
7	1651010709	Nguyễn Ngô Gia	Hân	V	0			V	0			0		LT+TT
8	1651010718	Vũ Trần Minh	Hoàng	V	0			V	0			0		LT+TT
9	1651010724	Lê Minh	Huy	44	3.5	64	5.5	26.5	6.5			5	6	
10	1651010728	Trần Thị Như	Huỳnh	54	4.5			12	3	26.5	6.5	4	5	
11	1651010729	Thammavong	Ingfa	V	0			V	0			0		LT+TT
12	1651010735	Phạm Lưu Hồng	Khánh	V	0			V	0			0		LT+TT
13	1651010736	Trần Quốc	Khánh	38	3	50	4	13.5	3.5	26.5	6.5	3	5	
14	1651010737	Đỗ	Khiêm	37	3	82	8	33	8			5	8	
15	1651010742	Vongphachanh	Kina	V	0			V	0			0		LT+TT
16	1651010743	Phan Dương	Lâm	39	3	55	4.5	11	2.5	35	8.5	3	6	
17	1651010748	Lâm Hồ Gia	Lộc	31	2.5	62	5	15	3.5	26	6.5	3	6	
18	1651010779	Lê Thị Quỳnh	Như	V	0			V	0			0		LT+TT
19	1651010783	Huỳnh Công	Pháp	36	3	61	5	11	2.5	21	5	3	5	
20	1651010789	Vũ Thạch Thảo	Phương	64	5.5			15	3.5	30.5	7.5	5	6	
21	1651010794	Hứa Ngọc	Quý	38	3	58	4.5	16.5	4	34	8.5	3	6	
22	1651010799	Bùi Phạm	Remy	59	4.5			12	3	28.5	7	4	6	
23	1651010801	Dương Quang	Sơn	53	4			7	1.5	24	6	3	5	

24	1651010811	Đỗ Thị Phương	Thảo	53	4			16.5	4	27.5	6.5	4	5	
25	1651010815	Châu Hoàn	Thiện	61	5			11	2.5	19	4.5	4	5	
26	1651010826	Nguyễn Trung	Tín	49	4	61	5	19.5	5			4	5	
27	1651010842	Hà Văn	Tuấn	V	0	59	4.5	13.5	3.5	19	4.5	1	5	
28	1651010843	Ngô Thái	Tuấn	43	3.5	44	3.5	17	4	22.5	5.5	4	4	LT
29	1651010845	Tạ Minh	Tùng	50	4			15	3.5	25	6	4	5	
30	1651010853	Võ Chí	Vinh	38	3	58	4.5	V	0	25.5	6	2	5	
31	1651010854	Phạm Hoàng	Vũ	32	2.5			11	2.5			3		LT+TT
32	1651010856	Lê Thị Tường	Vy(T9)	V	0			V	0			0		LT+TT
33	1651010858	Nguyễn Bảo	Vy	55	4.5			13	3	20.5	5	4	5	
34	1651010864	Từ Kim	Yến	72	6.5			V	0	38	9.5	4	8	
35	1551010700	Nguyễn Xuân	Ngân(Y.15D)	47	3.5	67	6	21	5			4	6	
36	1551010749	Lê Vũ Phương	Thanh(Y.15D)	V	0			V	0			0		LT+TT
37	1551010753	Nguyễn Lê Thanh	Thảo(Y.15D)	46	3.5	69	6	5.5	1.5	23	5.5	3	6	
38	1551010771	Lim	Touchkhevitou (Y.15D)	29	2	35	2.5	V	0	30	7.5	1	5	LT
39	1551010792	Thân Trọng Hoàng	Việt(Y.15D)	31	2.5			V	0			2		LT+TT
40	1451010873	Nguyễn Minh	Trí(Y.14D)	37	3	64	5.5	V	0			2	3	TT
41	1551010656	Trần Đình	Hùng(Y.15D)	V	0			V	0			0		LT+TT
42	1551010684	Phạm Phú	Lộc(Y.15D)	V	0			V	0			0		LT+TT
43	1551010742	Nguyễn Thu	Quỳnh(Y.15D)	V	0			V	0			0		LT+TT
44	1551010762	Phạm Thị Hoàng	Thụy(Y.15D)		4.5 (cũ)			11	2.5	25.5	6	4	5	
45	1551010765	Thang Kiến	Thức(Y.15D)	V	0			V	0			0		LT+TT
46	1551010785	Trần Minh	Tuấn(Y.15D)	51	4			7.5	2	29.5	7	3	5	
47	1551010903	Nguyễn Hoàng	Huy(Y.15D)	V	0	48	4	V	0	22.5	5.5	0	5	
48	1551010908	Võ Vương Ngọc	Lâm(Y.15D)	V	0			V	0			0		LT+TT
49	1451010882	Lưu Cẩm	Tú(Y.14D)	V	0			V	0			0		LT+TT
50	1451010807	Lương Thị Tố	Như(Y.14D)	52	4	60	5		5(cũ)			4	5	
51	1451010809	Payernyiacha	Yexiong(Y.14D)	26	2	35	2.5		5(cũ)			3	4	LT
52	00.01.13.4.103	Nguyễn Danh	Nhân(Y.13D)	V	0			V	0			0		LT+TT
53	00.01.13.4.008	Nguyễn Tùng	Anh(Y.13D)	V	0			V	0			0		LT+TT
54	1451010911	Huỳnh Nhật	Quang(Y.14D)	V	0			V	0			0		LT+TT

Lớp: Y2015A

STT	MSSV	Họ Tên		SCĐ	Điểm LT	SCĐ	Điểm LT lần 2	SCĐ	Điểm TT	SCĐ	Điểm TT lần 2	Điểm	Điểm lần 2	Ghi chú
1	1451010081	Trần Hoàng	Khang(Y.14A)	40	3	47	3.5	6	1.5	28	7	2	5	LT

Lớp: Y2015D

STT	MSSV	Họ Tên		SCĐ	Điểm LT	SCĐ	Điểm LT lần 2	SCĐ	Điểm TT	SCĐ	Điểm TT lần 2	Điểm	Điểm lần 2	Ghi chú
1	1551010628	Tô Khương	Duy		4 (cũ)					22	5.5		5	

Các lớp còn lại:

STT	MSSV	Họ Tên		SCĐ	Điểm LT	SCĐ	Điểm LT lần 2	SCĐ	Điểm TT	SCĐ	Điểm TT lần 2	Điểm	Điểm lần 2	Ghi chú
1	1661010020	Đỗ Thị Minh	Tâm	48	4	44	3.5	19.5	5			4	4	LT
2	1451010544	Nguyễn Trọng	Lãm(Y.14C)	49	4	52	4	21	5			4	4	LT
3	1551010169	Nguyễn Công	Tín	37	3	44	3.5	7	1.5			2	3	LT+TT